

Số: 482/PHVL

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 12 năm 2025

Về việc thông báo Thời khóa biểu chính thức  
Học kỳ đầu năm 2026 Khóa 50, 51 ĐHCQ  
tại UEH Mekong

Kính gửi: Các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm

Căn cứ kế hoạch đào tạo năm 2026 và tiến độ triển khai các chương trình đào tạo của Hệ ĐHCQ, Phân hiệu Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long (UEH Mekong) trân trọng gửi đến các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm **Thời khóa biểu chính thức Học kỳ đầu năm 2026** của các khóa sau:

+ Khóa 50 - Hệ ĐHCQ (Chương trình Tiếng Việt) - UEH Mekong,

+ Khóa 51 - Hệ ĐHCQ (Chương trình Tiếng Việt) - UEH Mekong.

UEH Mekong kính đề nghị Quý Thầy/Cô quản lý môn học và Trường đơn vị tiếp tục triển khai và hoàn tất đăng ký giảng dạy theo website <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn> với kế hoạch thời gian cụ thể đính kèm theo văn bản này.

Thời khóa biểu chính thức có sự thay đổi so với thời khóa biểu dự kiến về việc hủy, bổ sung, điều chỉnh một số lớp học phần; UEH Mekong kính đề nghị các đơn vị đào tạo thông báo cho Quý Thầy/Cô và sinh viên biết, đồng thời thường xuyên truy cập dashboard cá nhân/portal UEH để cập nhật thông tin lịch giảng, lịch học đầy đủ và chính xác nhất.

Nếu có vấn đề gì chưa rõ, xin vui lòng liên hệ về Phòng Đào tạo - UEH Mekong.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- B.CKHĐT; B.QTHT;
- B.CSNH, B.BĐCL&KSNB, B.ĐT;
- TTKT;
- Các Khoa, Trung tâm PHVL;
- Website PHVL, ĐT;
- Lưu: VT, ĐT.



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**TS. Nguyễn Thị Thý Liễu**

**ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỒ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2026**

| GIẢNG ĐƯỜNG   | CƠ SỞ      | ĐỊA CHỈ                                            | GHI CHÚ |
|---------------|------------|----------------------------------------------------|---------|
| GĐ A,<br>B... | UEH Mekong | 1B Nguyễn Trung Trực, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long |         |

**KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIẢNG DẠY**  
(Link thực hiện đăng ký: <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn>)

| KHÓA HỌC                         | THỜI GIAN                  |                            |                                 | GHI CHÚ                                                     |
|----------------------------------|----------------------------|----------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------|
|                                  | Giảng viên đăng ký         | Quản lý môn học duyệt      | Trưởng đơn vị đào tạo phê duyệt |                                                             |
| + Khóa <b>50, 51</b> ĐHCQ (PHVL) | <b>12/11/25 – 07/12/25</b> | <b>08/12/25 – 22/12/25</b> | <b>23/12/25 – 26/12/25</b>      | Dự kiến thời gian phát hành TKB chính thức: <b>19/12/25</b> |

**THỜI KHÓA BIỂU CÁC KHÓA HỆ CHÍNH QUY PHVL  
HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2026  
(Sắp xếp theo Khóa, Ngành, Chuyên ngành)**

## THỜI KHÓA BIỂU KHÓA **48 HỆ ĐHCQ KSV (HỌC KỲ 8) (CHÍNH THỨC)**

|                              | THỜI GIAN                                                                 |                                                                       |
|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| Học lý thuyết (trước Tết ÂL) | 05/01/2026 – 08/02/2026<br>(Trong đó học online: 02/02/2026 – 08/02/2026) | CV Khung thời gian đào tạo năm 2026 (Số 157/ĐHKT-PHVL ngày 12/5/2025) |
| Nghỉ Tết Âm lịch             | 09/02/2026 – 22/02/2026                                                   |                                                                       |
| Học lý thuyết (sau Tết ÂL)   | 23/02/2026 – 24/05/2026<br>(Trong đó học online: 23/02/2026 – 01/03/2026) |                                                                       |
| Các ngày nghỉ                | 01/01/2026, 26/04/2026, 27/04/2026, 30/04/2026, 01/05/2026                |                                                                       |
| Thi kết thúc học phần        | 25/05/2026 – 07/06/2026                                                   |                                                                       |
| Dự trữ KHĐT                  | 08/06/2026 – 21/06/2026                                                   |                                                                       |

**KHÓA 48 ĐHCQ UEH MEKONG CHƯƠNG TRÌNH SONG NGÀNH TÍCH HỢP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP HỌC KỲ ĐẦU 2026 THEO KẾ HOẠCH SỐ 257/KH-PHVL, NGÀY 16/10/2025.**

**BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 48 ĐHCQ (UEH MEKONG)**

| STT | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH                                                      | PHIÊN HIỆU LỚP SV | SL LỚP |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------|
| 1   | SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ                 | ARIB001           | 1      |
| 2   | SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ LOGISTICS & QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG | ARLM001           | 1      |

**SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 48 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>ĐK | LỚP SV               | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|----------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Sinh hoạt lớp                    |           |    | 26D9ADM53601401 | 10       | (K48KSV)_<br>ARIB001 | 7   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 10/01/26            |         |
| Thực tập và tốt nghiệp -<br>ARIB |           | 10 | 26D9ECO50127201 | 10       | (K48KSV)_<br>ARIB001 | CN  | 8  | 06g20 - 13g35 | TTTN   | 11/01/26 - 05/04/26 |         |

**SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ LOGISTICS & QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG 48 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>ĐK | LỚP SV               | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|----------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Sinh hoạt lớp                    |           |    | 26D9ADM53601402 | 10       | (K48KSV)_<br>ARLM001 | 7   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 10/01/26            |         |
| Thực tập và tốt nghiệp -<br>ARLM |           | 10 | 26D9ECO50127301 | 10       | (K48KSV)_<br>ARLM001 | CN  | 8  | 06g20 - 13g35 | TTTN   | 11/01/26 - 05/04/26 |         |

**THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 49 HỆ ĐHCQ UEH MEKONG  
HỌC KỲ 6 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2026) (CHÍNH THỨC)**

|                              | THỜI GIAN                                                                                                    |                                                                              |
|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| Học lý thuyết (trước Tết ÂL) | 05/01/2026 – 08/02/2026<br>( <span style="color: red;">Trong đó học online: 02/02/2026 – 08/02/2026</span> ) | <b>CV Khung thời gian đào tạo năm 2026 (Số 157/ĐHKT-PHVL ngày 12/5/2025)</b> |
| Nghỉ Tết Âm lịch             | 09/02/2026 – 22/02/2026                                                                                      |                                                                              |
| Học lý thuyết (sau Tết ÂL)   | 23/02/2026 – 24/05/2026<br>( <span style="color: red;">Trong đó học online: 23/02/2026 – 01/03/2026</span> ) |                                                                              |
| Các ngày nghỉ                | 01/01/2026, 26/04/2026, 27/04/2026, 30/04/2026, 01/05/2026                                                   |                                                                              |
| Thi kết thúc học phần        | 25/05/2026 – 07/06/2026                                                                                      |                                                                              |
| Dự trữ KHĐT                  | 08/06/2026 – 21/06/2026                                                                                      |                                                                              |

**KHÓA 49 ĐHCQ UEH MEKONG THỰC HIỆN LUÂN CHUYỂN CAMPUS HỌC KỲ ĐẦU 2026 THEO KẾ HOẠCH SỐ 1868/KH-ĐHKT-PHVL, NGÀY 12/08/2025.**

**KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)**

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHKT-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ  
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:

- ☑ Thời gian thi: dự kiến từ 2 - 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
- ☑ Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
- ☑ Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ 25/05/2026 – 07/06/2026  
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

**BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 49 ĐHCQ (UEH MEKONG)**

| STT | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH                                                      | PHIÊN HIỆU LỚP SV | SL LỚP |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------|
| 1   | CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO                                           | TI0001            | 1      |
| 2   | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP                                                    | KN0001            | 1      |
| 3   | KINH DOANH NÔNG NGHIỆP                                                  | AR0001            | 1      |
| 4   | KINH DOANH QUỐC TẾ                                                      | IB0001            | 1      |
| 5   | LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG                                     | LM0001            | 1      |
| 6   | LUẬT KINH TẾ                                                            | EL0001            | 1      |
| 7   | MARKETING                                                               | MR0001            | 1      |
| 8   | NGÂN HÀNG                                                               | NH0001            | 1      |
| 9   | QUẢN TRỊ                                                                | AD0001            | 1      |
| 10  | QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN                                                      | KS0001            | 1      |
| 11  | ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO                                               | RA0001            | 1      |
| 12  | TÀI CHÍNH                                                               | FN0001            | 1      |
| 13  | TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI                                                    | AV0001            | 1      |
| 14  | THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ                                                      | EE0001            | 1      |
| 15  | SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ                 | ARIB0001          | 1      |
| 16  | SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ LOGISTICS & QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG | ARLM0001          | 1      |

**THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 50 HỆ ĐHCQ UEH MEKONG**  
**HỌC KỲ 4 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2026) (CHÍNH THỨC)**

|                              | THỜI GIAN                                                                 |                                                                              |
|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| Học lý thuyết (trước Tết ÂL) | 05/01/2026 – 08/02/2026<br>(Trong đó học online: 02/02/2026 – 08/02/2026) | <b>CV Khung thời gian đào tạo năm 2026 (Số 157/ĐHKT-PHVL ngày 12/5/2025)</b> |
| Nghỉ Tết Âm lịch             | 09/02/2026 – 22/02/2026                                                   |                                                                              |
| Học lý thuyết (sau Tết ÂL)   | 23/02/2026 – 24/05/2026<br>(Trong đó học online: 23/02/2026 – 01/03/2026) |                                                                              |
| Các ngày nghỉ                | 01/01/2026, 26/04/2026, 27/04/2026, 30/04/2026, 01/05/2026                |                                                                              |
| Thi kết thúc học phần        | 25/05/2026 – 07/06/2026                                                   |                                                                              |
| Dự trữ KHĐT                  | 08/06/2026 – 21/06/2026                                                   |                                                                              |

**ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2026**

| GIẢNG ĐƯỜNG  | CƠ SỞ                   | ĐỊA CHỈ                                                      | GHI CHÚ |
|--------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------|---------|
| GD D1, B2... | Phân hiệu UEH Vĩnh Long | 1B Nguyễn Trung Trực, Phường 8, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long |         |

**KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)**

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHKT-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ  
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:

- ☐ Thời gian thi: dự kiến từ 2 - 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
- ☐ Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
- ☐ Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **25/05/2026 – 07/06/2026**  
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

**BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ UEH MEKONG****TRƯỜNG CÔNG NGHỆ - THIẾT KẾ**

| STT | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH            | PHIÊN HIỆU LỚP SV |          |          |
|-----|-------------------------------|-------------------|----------|----------|
|     |                               | CT_TV             | CT_TA BP | CT_TA TP |
| 1   | THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ            | EE0001            |          |          |
| 2   | CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO | TI0001            |          |          |
| 3   | ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO     | RA0001            |          |          |

**BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ UEH MEKONG****TRƯỜNG KINH DOANH**

| STT | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH                  | PHIÊN HIỆU LỚP SV |          |          |
|-----|-------------------------------------|-------------------|----------|----------|
|     |                                     | CT_TV             | CT_TA BP | CT_TA TP |
| 4   | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP                | KN0001            |          |          |
| 5   | KINH DOANH QUỐC TẾ                  | IB0001            |          |          |
| 6   | LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG | LM0001            |          |          |
| 7   | MARKETING                           | MR0001            |          |          |
| 8   | QUẢN TRỊ KINH DOANH                 | BA0001            |          |          |
| 9   | TÀI CHÍNH                           | FN0001            |          |          |
| 10  | QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN                  | KS0001            |          |          |
| 11  | NGÂN HÀNG                           | NH0001            |          |          |

**BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ UEH MEKONG****TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC; KHOA NGOẠI NGỮ; KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

| STT | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH     | PHIÊN HIỆU LỚP SV |          |          |
|-----|------------------------|-------------------|----------|----------|
|     |                        | CT_TV             | CT_TA BP | CT_TA TP |
| 12  | KINH DOANH NÔNG NGHIỆP | AR0001            |          |          |
| 13  | LUẬT KINH TẾ           | EL0001            |          |          |
| 14  | THUẾ                   | TA0001            |          |          |
| 15  | TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI   | AV0001            |          |          |

**[CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 50 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN               | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>ĐK | LỚP SV                                  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------------------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| ERP (HRM)                  |           | 2  | 26D9INF50906001 | 40       | (K50KSV)_A<br>D0001                     | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.5   | 08/01/26 - 22/01/26 |         |
|                            |           |    |                 |          |                                         | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.5   | 09/01/26 - 23/01/26 |         |
| Quản trị chất lượng        |           | 3  | 26D9MAN50200701 | 40       | (K50KSV)_A<br>D0001                     | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.7   | 13/04/26 - 11/05/26 |         |
|                            |           |    |                 |          |                                         | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.7   | 14/04/26 - 12/05/26 |         |
| Quản trị nguồn nhân lực    |           | 3  | 26D9MAN50200401 | 40       | (K50KSV)_A<br>D0001                     | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.6   | 02/03/26 - 30/03/26 |         |
|                            |           |    |                 |          |                                         | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.6   | 03/03/26 - 24/03/26 |         |
| Quản trị điều hành         |           | 3  | 26D9MAN50200301 | 40       | (K50KSV)_A<br>D0001                     | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.6   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                            |           |    |                 |          |                                         | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.6   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Sinh hoạt lớp              |           |    | 26D9ADM53600609 | 35       | (K50KSV)_A<br>D0001                     | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |
| Tài chính cho nhà Quản trị |           | 3  | 26D9MAN50211301 | 40       | (K50KSV)_A<br>D0001                     | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.6   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                            |           |    |                 |          |                                         | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.6   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Phát triển bền vững        |           | 2  | 26D9ECO50122006 | 60       | (K50KSV)_A<br>D0001,(K50K<br>SV) KS0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.3   | 19/01/26 - 02/02/26 |         |
|                            |           |    |                 |          |                                         | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.3   | 20/01/26 - 03/02/26 |         |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh       |           | 2  | 26D9HCM51000403 | 60       | (K50KSV)_A<br>D0001,(K50K<br>SV) KS0001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.3   | 15/04/26 - 20/05/26 |         |

**[CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 50 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>ĐK | LỚP SV              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị hiệu quả                       |           | 3  | 26D9TOU51500301 | 30       | (K50KSV)_<br>KS0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Quản trị kênh phân phối trong khách sạn |           | 3  | 26D9TOU51506801 | 30       | (K50KSV)_<br>KS0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.6   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.6   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Quản trị nguồn nhân lực du lịch         |           | 3  | 26D9TOU51506701 | 30       | (K50KSV)_<br>KS0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.1   | 08/01/26 - 05/02/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.1   | 09/01/26 - 30/01/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                           |           |    | 26D9ADM53600610 | 25       | (K50KSV)_<br>KS0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |
| Thiết kế trải nghiệm khách hàng         |           | 3  | 26D9TOU51506901 | 30       | (K50KSV)_<br>KS0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1   | 08/01/26 - 05/02/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1   | 09/01/26 - 30/01/26 |         |

**HỌC GHÉP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG-26D9ECO50122006 VỚI LỚP (K50KSV)\_AD0001**  
**HỌC GHÉP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH-26D9HCM51000403 VỚI LỚP (K50KSV)\_AD0001**

**[CT TV] NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI KHÓA 50 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>ĐK | LỚP SV                                      | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------------------------------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Văn hóa Anh - Mỹ                     |           | 3  | 26D9ENG51306801 | 30       | (K50KSV).<br>HPTC1.AV                       | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                      |           |    |                 |          |                                             | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Giao tiếp kinh doanh liên<br>văn hóa |           | 3  | 26D9ENG51306901 | 30       | (K50KSV)_<br>AV0001                         | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.5   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                      |           |    |                 |          |                                             | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.5   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Kỹ năng nghe - nói nâng<br>cao 2     |           | 3  | 26D9ENG51314701 | 30       | (K50KSV)_<br>AV0001                         | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.7   | 02/03/26 - 30/03/26 |         |
|                                      |           |    |                 |          |                                             | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.7   | 03/03/26 - 24/03/26 |         |
| Kỹ năng đọc nâng cao 2               |           | 3  | 26D9ENG51314801 | 30       | (K50KSV)_<br>AV0001                         | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                                      |           |    |                 |          |                                             | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Marketing căn bản - EN               | EN        | 3  | 26D9MAR50316101 | 30       | (K50KSV)_<br>AV0001                         | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1   | 13/04/26 - 18/05/26 |         |
|                                      |           |    |                 |          |                                             | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1   | 14/04/26 - 12/05/26 |         |
| Ngữ âm - Âm vị học                   |           | 3  | 26D9ENG51314401 | 30       | (K50KSV)_<br>AV0001                         | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.3   | 06/01/26 - 03/02/26 |         |
|                                      |           |    |                 |          |                                             | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.3   | 06/01/26 - 27/01/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                        |           |    | 26D9ADM53600615 | 30       | (K50KSV)_<br>AV0001                         | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |
| Phát triển bền vững                  |           | 2  | 26D9ECO50122009 | 50       | (K50KSV)_<br>AV0001,(K<br>50KSV)_TI<br>0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.4   | 13/04/26 - 04/05/26 |         |
|                                      |           |    |                 |          |                                             | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.4   | 14/04/26 - 05/05/26 |         |

**HỌC GHÉP KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊNIN-26D9POL51002405 VỚI LỚP (K50KSV)\_EL0001**

**[CT TV] NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 50 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>ĐK | LỚP SV              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Cơ sở dữ liệu                     |           | 3  | 26D9INF50900601 | 70       | (K50KSV)_<br>EE0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.2   | 13/04/26 - 11/05/26 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.2   | 14/04/26 - 12/05/26 |         |
| Dịch vụ mạng Internet             |           | 3  | 26D9INF50902501 | 70       | (K50KSV)_<br>EE0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.2   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.2   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Kinh tế chính trị Mác<br>LêNin    |           | 2  | 26D9POL51002402 | 70       | (K50KSV)_<br>EE0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.2   | 08/01/26 - 22/01/26 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.2   | 09/01/26 - 23/01/26 |         |
| Phân tích nghiệp vụ kinh<br>doanh |           | 3  | 26D9INF50900901 | 70       | (K50KSV)_<br>EE0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.2   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.2   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Phân tích thiết kế hệ<br>thống    |           | 3  | 26D9INF50901001 | 70       | (K50KSV)_<br>EE0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.2   | 02/03/26 - 30/03/26 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.2   | 03/03/26 - 24/03/26 |         |
| Phát triển bền vững               |           | 2  | 26D9ECO50122002 | 70       | (K50KSV)_<br>EE0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.2   | 19/01/26 - 02/02/26 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.2   | 20/01/26 - 03/02/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                     |           |    | 26D9ADM53600602 | 65       | (K50KSV)_<br>EE0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |
| Thương mại điện tử                |           | 3  | 26D9INF50901301 | 70       | (K50KSV)_<br>EE0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.2   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.2   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |

**[CT TV] NGÀNH LUẬT KINH TẾ KHÓA 50 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                           | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>ĐK | LỚP SV                                      | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------------------------------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng |           | 2  | 26D9LAW51110001 | 35       | (K50KSV).<br>HPTC.II.E<br>L                 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.1   | 16/04/26 - 07/05/26 |         |
|                                        |           |    |                 |          |                                             | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.1   | 17/04/26 - 08/05/26 |         |
| Các học thuyết pháp lý                 |           | 3  | 26D9LAW51100401 | 35       | (K50KSV)_<br>EL0001                         | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                                        |           |    |                 |          |                                             | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Công pháp quốc tế                      |           | 2  | 26D9LAW51106001 | 35       | (K50KSV)_<br>EL0001                         | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.1   | 13/04/26 - 04/05/26 |         |
|                                        |           |    |                 |          |                                             | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.1   | 14/04/26 - 05/05/26 |         |
| Luật cạnh tranh                        |           | 2  | 26D9LAW51102101 | 35       | (K50KSV)_<br>EL0001                         | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.1   | 02/03/26 - 16/03/26 |         |
|                                        |           |    |                 |          |                                             | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.1   | 03/03/26 - 17/03/26 |         |
| Luật thương mại                        |           | 3  | 26D9LAW51105901 | 35       | (K50KSV)_<br>EL0001                         | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.2   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                                        |           |    |                 |          |                                             | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.2   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Luật tổ tụng dân sự                    |           | 3  | 26D9LAW51102001 | 35       | (K50KSV)_<br>EL0001                         | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1   | 05/03/26 - 19/03/26 |         |
|                                        |           |    |                 |          |                                             | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1   | 06/03/26 - 20/03/26 |         |
| Nhập môn tâm lý học                    |           | 2  | 26D9BUS50326401 | 55       | (K50KSV)_<br>EL0001                         | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.3   | 05/01/26 - 19/01/26 |         |
|                                        |           |    |                 |          |                                             | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.3   | 06/01/26 - 20/01/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                          |           |    | 26D9ADM53600613 | 30       | (K50KSV)_<br>EL0001                         | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |
| Kinh tế chính trị Mác LêNin            |           | 2  | 26D9POL51002405 | 60       | (K50KSV)_<br>EL0001,(K<br>50KSV)_A<br>V0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.3   | 08/01/26 - 22/01/26 |         |
|                                        |           |    |                 |          |                                             | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.3   | 09/01/26 - 23/01/26 |         |
| Phát triển bền vững                    |           | 2  | 26D9ECO50122008 | 50       | (K50KSV)_<br>EL0001,(K<br>50KSV)_R<br>A0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.4   | 19/01/26 - 02/02/26 |         |
|                                        |           |    |                 |          |                                             | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.4   | 20/01/26 - 03/02/26 |         |

**[CT TV] NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>ĐK | LỚP SV                          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------------------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á           |           | 3  | 26D9BUS50318101 | 60       | (K50KSV)_IB0001                 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2   | 05/01/26 - 02/02/26 | Hủy     |
|                                         |           |    |                 |          |                                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2   | 06/01/26 - 27/01/26 |         |
| Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng |           | 3  | 26D9BUS50318301 | 55       | (K50KSV)_IB0001                 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.2   | 13/04/26 - 11/05/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          |                                 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.2   | 14/04/26 - 12/05/26 |         |
| Nghiên cứu ứng dụng trong kinh doanh    |           | 3  | 26D9BUS50330102 | 60       | (K50KSV)_IB0001                 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          |                                 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Quản trị chiến lược toàn cầu            |           | 3  | 26D9BUS50317802 | 60       | (K50KSV)_IB0001                 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2   | 05/03/26 - 02/04/26 | Hủy     |
|                                         |           |    |                 |          |                                 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                           |           |    | 26D9ADM53600604 | 55       | (K50KSV)_IB0001                 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |
| Phát triển bền vững                     |           | 2  | 26D9ECO50122003 | 70       | (K50KSV)_IB0001,(K50KSV)_AR0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.2   | 22/01/26 - 05/02/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          |                                 | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.2   | 23/01/26 - 06/02/26 |         |
| Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu        |           | 3  | 26D9BUS50317901 | 70       | (K50KSV)_IB0001,(K50KSV)_AR0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.2   | 02/03/26 - 30/03/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          |                                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.2   | 03/03/26 - 24/03/26 |         |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh                    |           | 2  | 26D9HCM51000401 | 70       | (K50KSV)_IB0001,(K50KSV)_AR0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.2   | 05/01/26 - 19/01/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          |                                 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.2   | 06/01/26 - 20/01/26 |         |
| Thương mại quốc tế                      |           | 3  | 26D9COM50302201 | 55       | (K50KSV)_IB0001                 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2   | 05/01/26 - 02/02/26 | Bổ sung |
|                                         |           |    |                 |          |                                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2   | 06/01/26 - 27/01/26 |         |
| Quản trị nguồn nhân lực quốc tế         |           | 3  | 26D9BUS50318201 | 55       | (K50KSV)_IB0001                 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2   | 05/03/26 - 02/04/26 | Bổ sung |
|                                         |           |    |                 |          |                                 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |

**[CT TV] NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                                 | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>ĐK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD   | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|------|---------------------|---------|
| Giao tiếp kinh doanh                         |           | 3  | 26D9BUS50304401 | 15       | (K50KSV).HPTC1.AR | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.2 | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                              |           |    |                 |          |                   | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.2 | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng      |           | 3  | 26D9BUS50318302 | 15       | (K50KSV).HPTC2.AR | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.6 | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                              |           |    |                 |          |                   | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.6 | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Kinh tế học chuỗi giá trị nông sản thực phẩm |           | 3  | 26D9ECO50122401 | 15       | (K50KSV)_AR0001   | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.6 | 13/04/26 - 11/05/26 |         |
|                                              |           |    |                 |          |                   | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.6 | 14/04/26 - 12/05/26 |         |
| Nhập môn tâm lý học                          |           | 2  | 26D9BUS50326402 | 15       | (K50KSV)_AR0001   | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.4 | 08/01/26 - 22/01/26 |         |
|                                              |           |    |                 |          |                   | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.4 | 09/01/26 - 23/01/26 |         |
| Phương pháp nghiên cứu kinh tế               |           | 3  | 26D9ECO50101201 | 15       | (K50KSV)_AR0001   | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.3 | 02/03/26 - 30/03/26 | Hủy     |
|                                              |           |    |                 |          |                   | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.3 | 03/03/26 - 24/03/26 |         |
| Quản trị kinh doanh nông nghiệp              |           | 3  | 26D9ECO50114601 | 15       | (K50KSV)_AR0001   | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.3 | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                                              |           |    |                 |          |                   | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.3 | 06/03/26 - 27/03/26 |         |

|               |  |  |                 |    |                 |   |   |               |        |          |  |
|---------------|--|--|-----------------|----|-----------------|---|---|---------------|--------|----------|--|
| Sinh hoạt lớp |  |  | 26D9ADM53600603 | 15 | (K50KSV)_AR0001 | 4 | 4 | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26 |  |
|---------------|--|--|-----------------|----|-----------------|---|---|---------------|--------|----------|--|

**HỌC GHÉP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG-26D9ECO50122003 VỚI LỚP (K50KSV)\_IB0001**  
**HỌC GHÉP QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG TOÀN CẦU-26D9BUS50317901 VỚI LỚP (K50KSV)\_IB0001**  
**HỌC GHÉP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH-26D9HCM51000401 VỚI LỚP (K50KSV)\_IB0001**

**[CT TV] NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV                              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kế toán tài chính nâng cao theo IFRS |           | 3  | 26D9ACC50720001 | 55       | (K50KSV)_KN0001                     | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.2   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                      |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.2   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Kinh tế chính trị Mác LêNin          |           | 2  | 26D9POL51002403 | 55       | (K50KSV)_KN0001                     | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.4   | 05/01/26 - 19/01/26 |         |
|                                      |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.4   | 06/01/26 - 20/01/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                        |           |    | 26D9ADM53600605 | 55       | (K50KSV)_KN0001                     | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |
| Khoa học dữ liệu                     |           | 2  | 26D9INF50905901 | 75       | (K50KSV)_KN0001,<br>(K50KSV)_KS0001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.3   | 07/01/26 - 11/03/26 |         |
| Hệ thống thông tin kế toán           |           | 3  | 26D9ACC50701401 | 75       | (K50KSV)_KN0001                     | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.5   | 02/03/26 - 30/03/26 |         |
|                                      |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.5   | 03/03/26 - 24/03/26 |         |
| Kế toán quản trị                     |           | 3  | 26D9ACC50701101 | 70       | (K50KSV)_KN0001,(<br>K50KSV)_TA0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.2   | 13/04/26 - 11/05/26 |         |
|                                      |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.2   | 14/04/26 - 12/05/26 |         |
| Kế toán tài chính theo IFRS          |           | 3  | 26D9ACC50719601 | 70       | (K50KSV)_KN0001,(<br>K50KSV)_TA0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.5   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                                      |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.5   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Kiểm toán căn bản                    |           | 3  | 26D9ACC50702501 | 70       | (K50KSV)_KN0001,(<br>K50KSV)_TA0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.5   | 02/03/26 - 30/03/26 |         |
|                                      |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.5   | 03/03/26 - 24/03/26 |         |
| Phát triển bền vững                  |           | 2  | 26D9ECO50122004 | 70       | (K50KSV)_KN0001,(<br>K50KSV)_TA0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.2   | 22/01/26 - 05/02/26 |         |
|                                      |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.2   | 23/01/26 - 06/02/26 |         |

**CT TV] NGÀNH THUẾ KHÓA 50 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN    | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Sinh hoạt lớp   |           |    | 26D9ADM53600606 | 20       | (K50KSV)_TA0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |
| Tài chính Công  |           | 3  | 26D9PUF50400201 | 20       | (K50KSV)_TA0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.5   | 05/01/26 - 19/01/26 | Hủy     |
|                 |           |    |                 |          |                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.5   | 06/01/26 - 20/01/26 |         |
| Thuế trực thu   |           | 3  | 26D9TAX50407501 | 20       | (K50KSV)_TA0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.4   | 02/03/26 - 30/03/26 |         |
|                 |           |    |                 |          |                 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.4   | 03/03/26 - 24/03/26 |         |
| Hoạch định thuế |           | 3  | 26D9TAX50401602 | 20       | (K50KSV)_TA0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.5   | 05/01/26 - 19/01/26 | Bổ sung |
|                 |           |    |                 |          |                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.5   | 06/01/26 - 20/01/26 |         |

**HQC GHÉP KẾ TOÁN QUẢN TRỊ-26D9ACC50701101 VỚI LỚP (K50KSV)\_KN0001**  
**HQC GHÉP KẾ TOÁN TÀI CHÍNH THEO IFRS-26D9ACC50719601 VỚI LỚP (K50KSV)\_KN0001**  
**HQC GHÉP KIỂM TOÁN CĂN BẢN-26D9ACC50702501 VỚI LỚP (K50KSV)\_KN0001**  
**HQC GHÉP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG-26D9ECO50122004 VỚI LỚP (K50KSV)\_KN0001**  
**HQC GHÉP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH-26D9HCM51000404 VỚI LỚP (K50KSV)\_RA0001**

**[CT TV] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 50 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV           | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI<br>CHÚ |
|--------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Logistics quốc tế                    |           | 3  | 26D9BUS50310701 | 50       | (K50KSV)_LM0001  | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.5   | 16/04/26 - 21/05/26 |            |
|                                      |           |    |                 |          |                  | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.5   | 17/04/26 - 15/05/26 |            |
| Mua hàng và cung ứng toàn cầu        |           | 3  | 26D9BUS50312201 | 50       | (K50KSV)_LM0001  | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.5   | 13/04/26 - 11/05/26 |            |
|                                      |           |    |                 |          |                  | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.5   | 14/04/26 - 12/05/26 |            |
| Nghiên cứu ứng dụng trong kinh doanh |           | 3  | 26D9BUS50330101 | 50       | (K50KSV)_LM0001  | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.4   | 05/01/26 - 02/02/26 |            |
|                                      |           |    |                 |          |                  | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.4   | 06/01/26 - 27/01/26 |            |
| Phân tích kinh doanh                 |           | 3  | 26D9BUS50318001 | 50       | (K50KSV)_LM0001  | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.5   | 05/03/26 - 02/04/26 |            |
|                                      |           |    |                 |          |                  | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.5   | 06/03/26 - 27/03/26 |            |
| Phát triển bền vững                  |           | 2  | 26D9ECO50122007 | 50       | (K50KSV)_LM0001  | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.4   | 22/01/26 - 05/02/26 |            |
|                                      |           |    |                 |          |                  | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.4   | 23/01/26 - 06/02/26 |            |
| Quản trị tài chính                   |           | 3  | 26D9FIN50503901 | 50       | (K50KSV)_LM0001  | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.5   | 02/03/26 - 30/03/26 |            |
|                                      |           |    |                 |          |                  | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.5   | 03/03/26 - 24/03/26 |            |
| Quản trị tồn kho và kho vận          |           | 3  | 26D9BUS50318901 | 50       | (K50KSV)_LM0001  | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.1   | 05/03/26 - 02/04/26 |            |
|                                      |           |    |                 |          |                  | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.1   | 06/03/26 - 27/03/26 |            |
| Sinh hoạt lớp                        |           |    | 26D9ADM53600611 | 50       | (K50KSV)_LM0001  | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |            |
| Kinh tế chính trị Mác LêNin          |           | 2  | 26D9POL51002404 | 70       | (K50KSV)_LM0001, | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.5   | 05/01/26 - 19/01/26 |            |
|                                      |           |    |                 |          | (K50KSV)_TI0001  | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.5   | 06/01/26 - 20/01/26 |            |

**[CT TV] NGÀNH MARKETING KHÓA 50 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                    | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Chiến lược kênh phân phối       |           | 3  | 26D9MAR50331301 | 70       | (K50KSV)_<br>MR0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.2   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                                 |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.2   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Chiến lược định giá             |           | 3  | 26D9MAR50303601 | 70       | (K50KSV)_<br>MR0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.2   | 02/03/26 - 30/03/26 |         |
|                                 |           |    |                 |          |                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.2   | 03/03/26 - 24/03/26 |         |
| Hành vi người tiêu dùng         |           | 3  | 26D9MAR50302101 | 70       | (K50KSV)_<br>MR0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2   | 13/04/26 - 11/05/26 |         |
|                                 |           |    |                 |          |                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2   | 14/04/26 - 12/05/26 |         |
| Kinh tế chính trị Mác LêNin     |           | 2  | 26D9POL51002401 | 70       | (K50KSV)_<br>MR0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2   | 08/01/26 - 22/01/26 |         |
|                                 |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2   | 09/01/26 - 23/01/26 |         |
| Phát triển bền vững             |           | 2  | 26D9ECO50122001 | 70       | (K50KSV)_<br>MR0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.2   | 19/01/26 - 02/02/26 |         |
|                                 |           |    |                 |          |                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.2   | 20/01/26 - 03/02/26 |         |
| Quản trị chiến lược toàn cầu    |           | 3  | 26D9BUS50317801 | 70       | (K50KSV)_<br>MR0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2   | 02/03/26 - 30/03/26 | Hủy     |
|                                 |           |    |                 |          |                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2   | 03/03/26 - 24/03/26 |         |
| Quản trị marketing              |           | 3  | 26D9MAR50301801 | 70       | (K50KSV)_<br>MR0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.2   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                 |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.2   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                   |           |    | 26D9ADM53600601 | 70       | (K50KSV)_<br>MR0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |
| Truyền thông Marketing tích hợp |           | 3  | 26D9MAR50319501 | 70       | (K50KSV)_<br>MR0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2   | 02/03/26 - 30/03/26 | Bổ sung |
|                                 |           |    |                 |          |                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2   | 03/03/26 - 24/03/26 |         |

**[CT TV] NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 50 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV                              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI<br>CHÚ |
|-------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Marketing ngân hàng                 |           | 3  | 26D9BAN50601801 | 45       | (K50KSV).HPTC.III.<br>NH            | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.4   | 05/03/26 - 02/04/26 |            |
|                                     |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.4   | 06/03/26 - 27/03/26 |            |
| Kế toán tài chính căn bản           |           | 3  | 26D9ACC50719501 | 45       | (K50KSV)_NH0001                     | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.3   | 02/03/26 - 30/03/26 |            |
|                                     |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.3   | 03/03/26 - 24/03/26 |            |
| Ngân hàng quốc tế                   |           | 3  | 26D9BAN50600801 | 45       | (K50KSV)_NH0001                     | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.4   | 13/04/26 - 11/05/26 |            |
|                                     |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.4   | 14/04/26 - 12/05/26 |            |
| Ngân hàng đầu tư                    |           | 3  | 26D9BAN50601401 | 45       | (K50KSV)_NH0001                     | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.4   | 05/03/26 - 02/04/26 |            |
|                                     |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.4   | 06/03/26 - 27/03/26 |            |
| Sinh hoạt lớp                       |           |    | 26D9ADM53600607 | 40       | (K50KSV)_NH0001                     | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |            |
| Thanh toán quốc tế                  |           | 3  | 26D9BAN50600902 | 45       | (K50KSV)_NH0001                     | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.4   | 16/04/26 - 21/05/26 |            |
|                                     |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.4   | 17/04/26 - 15/05/26 |            |
| Phát triển bền vững                 |           | 2  | 26D9ECO50122005 | 79       | (K50KSV)_NH0001,(<br>K50KSV)_FN0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.5   | 19/01/26 - 02/02/26 |            |
|                                     |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.5   | 20/01/26 - 03/02/26 |            |
| Quản trị và chiến lược<br>ngân hàng |           | 3  | 26D9BAN50608401 | 45       | (K50KSV)_NH0001,(<br>K50KSV)_FN0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.5   | 08/01/26 - 05/02/26 |            |
|                                     |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.5   | 09/01/26 - 30/01/26 |            |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh                |           | 2  | 26D9HCM51000402 | 79       | (K50KSV)_NH0001,(<br>K50KSV)_FN0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.5   | 08/01/26 - 22/01/26 |            |
|                                     |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.5   | 09/01/26 - 23/01/26 |            |

**[CT TV] NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI<br>CHÚ |
|-------------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Hoạch định Thuế                           |           | 3  | 26D9TAX50401601 | 40       | (K50KSV)_FN0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.4   | 05/03/26 - 02/04/26 | Đổi lịch   |
|                                           |           |    |                 |          |                 | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.4   | 06/03/26 - 27/03/26 |            |
| Kinh tế lượng tài chính                   |           | 3  | 26D9FIN50500401 | 40       | (K50KSV)_FN0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.5   | 13/04/26 - 11/05/26 |            |
|                                           |           |    |                 |          |                 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.5   | 14/04/26 - 12/05/26 |            |
| Phương pháp nghiên cứu<br>trong tài chính |           | 3  | 26D9FIN50512101 | 40       | (K50KSV)_FN0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.4   | 02/03/26 - 30/03/26 |            |
|                                           |           |    |                 |          |                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.4   | 03/03/26 - 24/03/26 |            |
| Sinh hoạt lớp                             |           |    | 26D9ADM53600608 | 40       | (K50KSV)_FN0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |            |
| Tài chính doanh nghiệp<br>nâng cao        |           | 3  | 26D9FIN50500301 | 40       | (K50KSV)_FN0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.4   | 16/04/26 - 21/05/26 |            |
|                                           |           |    |                 |          |                 | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.4   | 17/04/26 - 15/05/26 |            |
| Tài chính quốc tế                         |           | 3  | 26D9FIN50508501 | 40       | (K50KSV)_FN0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.5   | 05/03/26 - 02/04/26 |            |
|                                           |           |    |                 |          |                 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.5   | 06/03/26 - 27/03/26 |            |
| Quản trị và chiến lược<br>ngân hàng       |           | 3  | 26D9BAN50608404 | 40       | (K50KSV)_FN0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.3   | 05/01/26 - 02/02/26 | Bổ sung    |
|                                           |           |    |                 |          |                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.3   | 06/01/26 - 27/01/26 | Đổi lịch   |

**HỌC GHÉP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG-26D9ECO50122005 VỚI LỚP (K50KSV)\_NH0001**  
**HỌC GHÉP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH -26D9HCM51000402 VỚI LỚP (K50KSV)\_NH0001**

**[CT TV] NGÀNH ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO KHÓA 50 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                                                       | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV                              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI<br>CHÚ |
|--------------------------------------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Học sâu                                                            |           | 3  | 26D9INT54703501 | 15       | (K50KSV).HPTC1.R<br>A               | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.3   | 23/01/26 - 27/02/26 |            |
|                                                                    |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.3   | 23/01/26 - 06/03/26 |            |
| Chủ nghĩa xã hội khoa<br>học                                       |           | 2  | 26D9POL51002501 | 15       | (K50KSV)_RA0001                     | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.4   | 02/03/26 - 16/03/26 |            |
|                                                                    |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.4   | 03/03/26 - 17/03/26 |            |
| Hệ thống nhúng                                                     |           | 3  | 26D9INT54702301 | 15       | (K50KSV)_RA0001                     | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.6   | 24/01/26 - 28/02/26 |            |
|                                                                    |           |    |                 |          |                                     | 7   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.6   | 24/01/26 - 07/03/26 |            |
| Kỹ thuật robot 2                                                   |           | 3  | 26D9INT54701901 | 15       | (K50KSV)_RA0001                     | 7   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7   | 18/04/26 - 16/05/26 |            |
|                                                                    |           |    |                 |          |                                     | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.7   | 18/04/26 - 09/05/26 |            |
| Nhập môn tâm lý học                                                |           | 2  | 26D9BUS50326403 | 15       | (K50KSV)_RA0001                     | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.3   | 02/03/26 - 16/03/26 |            |
|                                                                    |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.3   | 03/03/26 - 17/03/26 |            |
| Quản lý dự án công nghệ                                            |           | 3  | 26D9INT54705901 | 15       | (K50KSV)_RA0001                     | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.3   | 13/04/26 - 11/05/26 |            |
|                                                                    |           |    |                 |          |                                     | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.3   | 13/04/26 - 18/05/26 |            |
| Sinh hoạt lớp                                                      |           |    | 26D9ADM53600614 | 15       | (K50KSV) RA0001                     | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |            |
| Tiếng Anh lĩnh vực Công<br>nghệ, truyền thông và<br>thiết kế (HP2) |           | 3  | 26D9ENG51320001 | 15       | (K50KSV)_RA0001                     | 4   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.3   | 04/03/26 - 01/04/26 |            |
|                                                                    |           |    |                 |          |                                     | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.3   | 05/03/26 - 26/03/26 |            |
| Tương tác người và máy                                             |           | 3  | 26D9INT54702701 | 15       | (K50KSV)_RA0001                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.3   | 17/04/26 - 22/05/26 |            |
|                                                                    |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.3   | 17/04/26 - 15/05/26 |            |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh                                               |           | 2  | 26D9HCM51000404 | 30       | (K50KSV)_RA0001,<br>(K50KSV)_TA0001 | 4   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.3   | 07/01/26 - 21/01/26 |            |
|                                                                    |           |    |                 |          |                                     | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.3   | 08/01/26 - 22/01/26 |            |

**[CT TV] NGÀNH CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÓA 50 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| A.I. trong Kinh doanh         |           | 3  | 26D9TEC55000201 | 30       | (K50KSV)_<br>TI0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.3   | 13/04/26 - 11/05/26 |         |
|                               |           |    |                 |          |                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.3   | 14/04/26 - 12/05/26 |         |
| Hệ hỗ trợ quản trị thông minh |           | 3  | 26D9INF50908501 | 30       | (K50KSV)_<br>TI0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.3   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                               |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.3   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Lãnh đạo thời đại số          |           | 3  | 26D9TEC55002801 | 30       | (K50KSV)_<br>TI0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.6   | 08/01/26 - 05/02/26 |         |
|                               |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.6   | 09/01/26 - 30/01/26 |         |
| Nhập môn tương tác Người Máy  |           | 3  | 26D9TEC55003101 | 20       | (K50KSV)_<br>TI0001 | 8   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.3   | 19/04/26 - 24/05/26 |         |
|                               |           |    |                 |          |                     | 8   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.3   | 19/04/26 - 17/05/26 |         |
| Phát triển và thiết kế web    |           | 3  | 26D9TEC55002701 | 30       | (K50KSV)_<br>TI0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.3   | 02/03/26 - 30/03/26 |         |
|                               |           |    |                 |          |                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.3   | 03/03/26 - 24/03/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                 |           |    | 26D9ADM53600612 | 20       | (K50KSV)_<br>TI0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |

**HỌC GHÉP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG-26D9ECO50122009 VỚI LỚP (K50KSV)\_AV0001**  
**HỌC GHÉP KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊNIN-26D9POL51002404 VỚI LỚP (K50KSV)\_LM0001**

**THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 51 HỆ ĐHCQ UEH MEKONG  
HỌC KỲ 2 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2026) (CHÍNH THỨC)**

|                              | THỜI GIAN                                                                                                  |                                                                              |
|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| Học lý thuyết (trước Tết ÂL) | 05/01/2026 – 08/02/2026<br><span style="color: red;">(Trong đó học online: 02/02/2026 – 08/02/2026)</span> | <b>CV Khung thời gian đào tạo năm 2026 (Số 157/ĐHKT-PHVL ngày 12/5/2025)</b> |
| Nghỉ Tết Âm lịch             | 09/02/2026 – 22/02/2026                                                                                    |                                                                              |
| Học lý thuyết (sau Tết ÂL)   | 23/02/2026 – 24/05/2026<br><span style="color: red;">(Trong đó học online: 23/02/2026 – 01/03/2026)</span> |                                                                              |
| Các ngày nghỉ                | 01/01/2026, 26/04/2026, 27/04/2026, 30/04/2026, 01/05/2026                                                 |                                                                              |
| Thi kết thúc học phần        | 25/05/2026 – 07/06/2026                                                                                    |                                                                              |
| Dự trữ KHĐT                  | 08/06/2026 – 21/06/2026                                                                                    |                                                                              |

**ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2026**

| GIẢNG ĐƯỜNG  | CƠ SỞ                   | ĐỊA CHỈ                                                      | GHI CHÚ |
|--------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------|---------|
| GD D1, B2... | Phân hiệu UEH Vĩnh Long | 1B Nguyễn Trung Trực, Phường 8, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long |         |

**KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)**

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHKT-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ  
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:

- ☑ Thời gian thi: dự kiến từ 2 - 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
- ☑ Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
- ☑ Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ 25/05/2026 – 07/06/2026 (sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

**BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 51 ĐHCQ UEH MEKONG****TRƯỜNG CÔNG NGHỆ - THIẾT KẾ**

| STT | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH            | PHIÊN HIỆU LỚP SV |          |          |
|-----|-------------------------------|-------------------|----------|----------|
|     |                               | CT_TV             | CT_TA BP | CT_TA TP |
| 1   | THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ            | EE0001            |          |          |
| 2   | CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO | TI0001            |          |          |
| 3   | ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO     | RA0001            |          |          |

**BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 51 ĐHCQ UEH MEKONG****TRƯỜNG KINH DOANH**

| STT | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH                  | PHIÊN HIỆU LỚP SV |          |          |
|-----|-------------------------------------|-------------------|----------|----------|
|     |                                     | CT_TV             | CT_TA BP | CT_TA TP |
| 4   | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP                | KN0001            |          |          |
| 5   | KINH DOANH QUỐC TẾ                  | IB0001            |          |          |
| 6   | LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG | LM0001            |          |          |
| 7   | MARKETING                           | MR0001            |          |          |
| 8   | QUẢN TRỊ KINH DOANH                 | BA0001            |          |          |
| 9   | TÀI CHÍNH                           | FN0001            |          |          |
| 10  | QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN                  | KS0001            |          |          |
| 11  | NGÂN HÀNG                           | NH0001            |          |          |

**BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 51 ĐHCQ UEH MEKONG****TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC; KHOA NGOẠI NGỮ; KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

| STT | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH     | PHIÊN HIỆU LỚP SV |          |          |
|-----|------------------------|-------------------|----------|----------|
|     |                        | CT_TV             | CT_TA BP | CT_TA TP |
| 12  | KINH DOANH NÔNG NGHIỆP | AR0001            |          |          |
| 13  | LUẬT KINH TẾ           | EL0001            |          |          |
| 14  | THUẾ                   | TA0001            |          |          |
| 15  | TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI   | AV0001            |          |          |

#### **LỊCH ĐƯA ĐÓN GIẢNG VIÊN HÀNG TUẦN:**

- Chiều Chủ nhật: Xe đón và đưa GV từ TP.HCM xuống PHVL để giảng dạy.
- Chiều Thứ ba: Xe đưa GV từ PHVL về lại TP.HCM.
- Chiều Thứ tư: Xe đón và đưa GV từ TP.HCM xuống PHVL để giảng dạy.
- Chiều Thứ sáu: Xe đưa GV từ PHVL về lại TP.HCM.
- Văn phòng UEH và Văn phòng Phân hiệu UEH Vĩnh Long sẽ liên hệ GV trước ít nhất 3 ngày.

#### **THÔNG TIN LIÊN HỆ CẦN THIẾT TẠI PHÂN HIỆU UEH VĨNH LONG :**

+ Liên hệ về lịch giảng và các vấn đề về đào tạo: Phòng ĐT (Cô Phương: 0939229230/Thầy Luông: 0931831668)

Lưu ý: Nếu có điều chỉnh thông tin về lịch giảng, GV tham gia giảng dạy so với kế hoạch ban đầu, đề nghị GV liên hệ trước 03 ngày làm việc: Phòng ĐT (Cô Phương: 0939229230/Thầy Luông: 0931831668)

+ Liên hệ về nhận và phát tài liệu, học liệu: Phòng ĐT (Thầy Đồng: 0986858313)

+ Liên hệ về bố trí xe, ăn nghỉ: Văn phòng PHVL (Cô Minh: 0937962186)

**[CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV           | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam          |           | 2  | 26D9HIS51002608 | 50       | (K51KSV)_AD0001  | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.7   | 05/03/26 - 19/03/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          |                  | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.7   | 06/03/26 - 20/03/26 |         |
| Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh |           | 3  | 26D9MAN50212301 | 45       | (K51KSV)_AD0001  | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.4   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          |                  | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.4   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                           |           |    | 26D9ADM53600209 | 43       | (K51KSV)_AD0001  | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |
| Kinh tế vĩ mô                           |           | 3  | 26D9ECO50100205 | 75       | (K51KSV)_AD0001, | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.1   | 02/03/26 - 30/03/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          | (K51KSV)_KS0001  | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.1   | 03/03/26 - 24/03/26 |         |
| Nguyên lý kế toán                       |           | 3  | 26D9ACC50700107 | 75       | (K51KSV)_AD0001, | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | GD.B   | 08/01/26 - 05/02/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          | (K51KSV)_KS0001  | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | GD.B   | 09/01/26 - 30/01/26 |         |
| Nhập môn tâm lý học                     |           | 2  | 26D9BUS50326406 | 75       | (K51KSV)_AD0001, | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | GD.B   | 05/01/26 - 19/01/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          | (K51KSV)_KS0001  | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | GD.B   | 06/01/26 - 20/01/26 |         |
| Thống kê ứng dụng                       |           | 3  | 26D9MAT50813406 | 75       | (K51KSV)_AD0001, | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2.2   | 16/04/26 - 18/05/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          | (K51KSV)_KS0001  | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2.2   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)     |           | 3  | 26D9ENG51319706 | 75       | (K51KSV)_AD0001, | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2.2   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          | (K51KSV)_KS0001  | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2.2   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |

**[CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kỹ năng mềm   |           | 2  | 26D9BUS50309503 | 35       | (K51KSV)_KS0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.6   | 05/03/26 - 19/03/26 |         |
|               |           |    |                 |          |                 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.6   | 06/03/26 - 20/03/26 |         |
| Sinh hoạt lớp |           |    | 26D9ADM53600210 | 31       | (K51KSV)_KS0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |

**HỌC GHÉP KINH TẾ VĨ MÔ-26D9ECO50100205 VỚI LỚP (K51KSV)\_AD0001****HỌC GHÉP NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN-26D9ACC50700107 VỚI LỚP (K51KSV)\_AD0001****HỌC GHÉP NHẬP MÔN TÂM LÝ HỌC-26D9BUS50326406 VỚI LỚP (K51KSV)\_AD0001****HỌC GHÉP THỐNG KÊ ỨNG DỤNG-26D9MAT50813406 VỚI LỚP (K51KSV)\_AD0001****HỌC GHÉP TIẾNG ANH LĨNH VỰC KINH DOANH (HP1)-26D9ENG51319706 VỚI LỚP (K51KSV)\_AD0001****HỌC GHÉP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH- 26D9HCM51000408 VỚI LỚP (K51KSV)\_AV0001**

**[ICT TV] NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV           | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Diễn thuyết trước công chúng  |           | 3  | 26D9ENG51315001 | 35       | (K51KSV)_AV0001  | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7   | 05/01/26 - 02/02/26 |         |
|                               |           |    |                 |          |                  | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7   | 06/01/26 - 27/01/26 |         |
| Kinh tế vi mô                 | EN        | 3  | 26D9ECO50109701 | 35       | (K51KSV)_AV0001  | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.4   | 13/04/26 - 11/05/26 |         |
|                               |           |    |                 |          |                  | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.4   | 14/04/26 - 12/05/26 |         |
| Kỹ năng nghe - nói nâng cao 1 |           | 3  | 26D9ENG51314001 | 35       | (K51KSV)_AV0001  | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.7   | 04/03/26 - 06/05/26 |         |
| Kỹ năng viết nâng cao 1       |           | 3  | 26D9ENG51314201 | 35       | (K51KSV)_AV0001  | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.4   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                               |           |    |                 |          |                  | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.4   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Kỹ năng đọc nâng cao 1        |           | 3  | 26D9ENG51314101 | 35       | (K51KSV)_AV0001  | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.7   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                               |           |    |                 |          |                  | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.7   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Nhập môn tâm lý học           |           | 2  | 26D9BUS50326409 | 35       | (K51KSV)_AV0001  | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7   | 08/01/26 - 22/01/26 |         |
|                               |           |    |                 |          |                  | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7   | 09/01/26 - 23/01/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                 |           |    | 26D9ADM53600213 | 31       | (K51KSV)_AV0001  | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh          |           | 2  | 26D9HCM51000408 | 55       | (K51KSV)_AV0001, | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.7   | 02/03/26 - 16/03/26 |         |
|                               |           |    |                 |          | (K51KSV)_KS0001  | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.7   | 03/03/26 - 17/03/26 |         |

**[ICT TV] NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                                                 | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------------------------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Cơ sở công nghệ thông tin                                    |           | 3  | 26D9INF50900301 | 65       | (K51KSV)_EE0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.5   | 13/04/26 - 11/05/26 |         |
|                                                              |           |    |                 |          |                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.5   | 14/04/26 - 12/05/26 |         |
| Kinh tế vi mô                                                |           | 3  | 26D9ECO50100202 | 65       | (K51KSV)_EE0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.3   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                                                              |           |    |                 |          |                 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.3   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Nguyên lý kế toán                                            |           | 3  | 26D9ACC50700102 | 65       | (K51KSV)_EE0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.1   | 05/01/26 - 02/02/26 |         |
|                                                              |           |    |                 |          |                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.1   | 06/01/26 - 27/01/26 |         |
| Nhập môn tâm lý học                                          |           | 2  | 26D9BUS50326404 | 65       | (K51KSV)_EE0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.1   | 05/01/26 - 19/01/26 |         |
|                                                              |           |    |                 |          |                 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.1   | 06/01/26 - 20/01/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                                                |           |    | 26D9ADM53600215 | 65       | (K51KSV)_EE0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |
| Thống kê ứng dụng                                            |           | 3  | 26D9MAT50813402 | 65       | (K51KSV)_EE0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.1   | 02/03/26 - 30/03/26 |         |
|                                                              |           |    |                 |          |                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.1   | 03/03/26 - 24/03/26 |         |
| Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1) |           | 3  | 26D9ENG51319901 | 65       | (K51KSV)_EE0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.5   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                                              |           |    |                 |          |                 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.5   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Triết học Mác Lênin                                          |           | 3  | 26D9PHI51002301 | 65       | (K51KSV)_EE0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.1   | 08/01/26 - 05/02/26 |         |
|                                                              |           |    |                 |          |                 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.1   | 09/01/26 - 30/01/26 |         |

**[JCT TV] NGÀNH LUẬT KINH TẾ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                          | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>ĐK | LỚP SV              | THỨ    | ST     | GIỜ HỌC                        | GD           | THỜI GIAN HỌC                              | GHI CHÚ |
|---------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------------------|--------|--------|--------------------------------|--------------|--------------------------------------------|---------|
| Cổ luật và văn hóa pháp lý Việt Nam   |           | 2  | 26D9LAW51109601 | 35       | (K51KSV)_<br>EL0001 | 2<br>3 | 5<br>5 | 07g00 - 11g20<br>07g00 - 11g20 | D2.7<br>D2.7 | 05/01/26 - 19/01/26<br>06/01/26 - 20/01/26 |         |
| Kỹ năng mềm                           |           | 2  | 26D9BUS50309502 | 35       | (K51KSV)_<br>EL0001 | 2<br>3 | 5<br>5 | 12g45 - 17g05<br>12g45 - 17g05 | D2.7<br>D2.7 | 05/01/26 - 19/01/26<br>06/01/26 - 20/01/26 |         |
| Lập luận và tư duy pháp lý            |           | 3  | 26D9LAW51117101 | 35       | (K51KSV)_<br>EL0001 | 2<br>3 | 5<br>5 | 07g00 - 11g20<br>07g00 - 11g20 | D3.1<br>D3.1 | 02/03/26 - 30/03/26<br>03/03/26 - 24/03/26 |         |
| Luật Hành chính và tổ tụng hành chính |           | 3  | 26D9LAW51117401 | 35       | (K51KSV)_<br>EL0001 | 2<br>3 | 5<br>5 | 07g00 - 11g20<br>07g00 - 11g20 | D2.7<br>D2.7 | 13/04/26 - 11/05/26<br>14/04/26 - 12/05/26 |         |
| Luật tài sản                          |           | 2  | 26D9LAW51116301 | 35       | (K51KSV)_<br>EL0001 | 5<br>6 | 5<br>5 | 07g00 - 11g20<br>07g00 - 11g20 | D3.1<br>D3.1 | 05/03/26 - 19/03/26<br>06/03/26 - 20/03/26 |         |
| Nghề luật và đạo đức nghề luật        |           | 2  | 26D9LAW51118101 | 35       | (K51KSV)_<br>EL0001 | 5<br>6 | 5<br>5 | 12g45 - 17g05<br>12g45 - 17g05 | D2.7<br>D2.7 | 08/01/26 - 22/01/26<br>09/01/26 - 23/01/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                         |           |    | 26D9ADM53600206 | 35       | (K51KSV)_<br>EL0001 | 4      | 4      | 07g00 - 10g30                  | ONLINE       | 27/05/26                                   |         |
| Tiếng Anh lĩnh vực Luật (HP1)         |           | 3  | 26D9ENG51320101 | 35       | (K51KSV)_<br>EL0001 | 2<br>3 | 5<br>5 | 07g00 - 11g20<br>07g00 - 11g20 | D2.7<br>D2.7 | 02/03/26 - 30/03/26<br>03/03/26 - 24/03/26 |         |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh                  |           | 2  | 26D9HCM51000407 | 40       | (K51KSV)_<br>EL0001 | 5<br>6 | 5<br>5 | 12g45 - 17g05<br>12g45 - 17g05 | D3.1<br>D3.1 | 05/03/26 - 19/03/26<br>06/03/26 - 20/03/26 |         |

**[CT TV] NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV                              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Luật kinh doanh                     |           | 3  | 26D9LAW51100101 | 65       | (K51KSV)_IB0001                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | HTA3.1 | 06/01/26 - 03/02/26 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | HTA3.1 | 06/01/26 - 27/01/26 |         |
| Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam      |           | 2  | 26D9HIS51002607 | 65       | (K51KSV)_IB0001                     | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2.2   | 02/03/26 - 16/03/26 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2.2   | 03/03/26 - 17/03/26 |         |
| Nhập môn tâm lý học                 |           | 2  | 26D9BUS50326405 | 65       | (K51KSV)_IB0001                     | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2.2   | 08/01/26 - 22/01/26 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2.2   | 09/01/26 - 23/01/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                       |           |    | 26D9ADM53600204 | 62       | (K51KSV)_IB0001                     | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |
| Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1) |           | 3  | 26D9ENG51319702 | 65       | (K51KSV)_IB0001                     | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.3   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.3   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Kinh doanh quốc tế                  |           | 3  | 26D9BUS50305202 | 90       | (K51KSV)_IB0001,<br>(K51KSV)_AR0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.3   | 13/04/26 - 11/05/26 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.3   | 14/04/26 - 12/05/26 |         |
| Kinh tế vĩ mô                       |           | 3  | 26D9ECO50100203 | 65       | (K51KSV)_IB0001,(<br>K51KSV)_AR0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | B2.2   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | B2.2   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Nguyên lý kế toán                   |           | 3  | 26D9ACC50700103 | 90       | (K51KSV)_IB0001,(<br>K51KSV)_AR0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | B2.2   | 08/01/26 - 05/02/26 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | B2.2   | 09/01/26 - 30/01/26 |         |
| Thống kê ứng dụng                   |           | 3  | 26D9MAT50813403 | 89       | (K51KSV)_IB0001,(<br>K51KSV)_AR0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.5   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.5   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |

**[CT TV] NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV                              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Sinh hoạt lớp                    |           |    | 26D9ADM53600203 | 25       | (K51KSV)_AR0001                     | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |
| Phát triển bền vững              |           | 2  | 26D9ECO50122010 | 50       | (K51KSV)_AR0001,<br>(K51KSV)_TI0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.1   | 02/03/26 - 16/03/26 |         |
|                                  |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.1   | 03/03/26 - 17/03/26 |         |
| Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1) |           | 3  | 26D9ENG51319501 | 50       | (K51KSV)_AR0001,<br>(K51KSV)_TA0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.7   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                  |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.7   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh             |           | 2  | 26D9HCM51000409 | 50       | (K51KSV)_AR0001                     | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.1   | 05/01/26 - 19/01/26 |         |
|                                  |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.1   | 06/01/26 - 20/01/26 |         |

**HỌC GHÉP KINH DOANH QUỐC TẾ-26D9BUS50305202 VỚI LỚP (K51KSV)\_IB0001**  
**HỌC GHÉP KINH TẾ VĨ MÔ-26D9ECO50100203 VỚI LỚP (K51KSV)\_IB0001**  
**HỌC GHÉP NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN-26D9ACC50700103 VỚI LỚP (K51KSV)\_IB0001**  
**HỌC GHÉP THỐNG KÊ ỨNG DỤNG-26D9MAT50813403 VỚI LỚP (K51KSV)\_IB0001**

**[CT TV] NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV                              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Nhập môn tâm lý học                     |           | 2  | 26D9BUS50326407 | 45       | (K51KSV)_KN0001                     | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.4   | 08/01/26 - 22/01/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.4   | 09/01/26 - 23/01/26 |         |
| Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh |           | 3  | 26D9MAN50212302 | 45       | (K51KSV)_KN0001                     | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.4   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.4   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                           |           |    | 26D9ADM53600202 | 45       | (K51KSV)_KN0001                     | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |
| Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)     |           | 3  | 26D9ENG51319705 | 45       | (K51KSV)_KN0001                     | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.3   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.3   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Kinh tế vĩ mô                           |           | 3  | 26D9ECO50100206 | 75       | (K51KSV)_KN0001,<br>(K51KSV)_TA0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.1   | 13/04/26 - 18/05/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.1   | 14/04/26 - 12/05/26 |         |
| Nguyên lý kế toán                       |           | 3  | 26D9ACC50700106 | 75       | (K51KSV)_KN0001,<br>(K51KSV)_TA0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2.2   | 05/01/26 - 02/02/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2.2   | 06/01/26 - 27/01/26 |         |
| Thống kê ứng dụng                       |           | 3  | 26D9MAT50813407 | 75       | (K51KSV)_KN0001,<br>(K51KSV)_TA0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2.2   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2.2   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh                    |           | 2  | 26D9HCM51000406 | 75       | (K51KSV)_KN0001,<br>(K51KSV)_TA0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | B2.2   | 02/03/26 - 16/03/26 |         |
|                                         |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | B2.2   | 03/03/26 - 17/03/26 |         |

**[CT TV] NGÀNH THUẾ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV                | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị và chiến lược ngân hàng              |           | 3  | 26D9BAN50608403 | 30       | (K51KSV).HPTC1.T<br>A | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.4   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                               |           |    |                 |          |                       | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.4   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Kế toán tài chính căn bản                     |           | 3  | 26D9ACC50719502 | 30       | (K51KSV)_TA0001       | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.4   | 08/01/26 - 29/01/26 |         |
|                                               |           |    |                 |          |                       | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.4   | 09/01/26 - 06/02/26 |         |
| Nhập môn khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo |           | 2  | 26D9INF50922203 | 30       | (K51KSV)_TA0001       | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.3   | 05/03/26 - 19/03/26 |         |
|                                               |           |    |                 |          |                       | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.3   | 06/03/26 - 20/03/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                                 |           |    | 26D9ADM53600214 | 27       | (K51KSV)_TA0001       | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |

**HỌC GHÉP KINH TẾ VĨ MÔ-26D9ECO50100206 VỚI LỚP (K51KSV)\_KN0001**  
**HỌC GHÉP NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN-26D9ACC50700106 VỚI LỚP (K51KSV)\_KN0001**  
**HỌC GHÉP THỐNG KÊ ỨNG DỤNG-26D9MAT50813407 VỚI LỚP (K51KSV)\_KN0001**  
**HỌC GHÉP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH-26D9HCM51000406 VỚI LỚP (K51KSV)\_KN0001**  
**HỌC GHÉP TIẾNG ANH LĨNH VỰC KINH TẾ (HP1)-26D9ENG51319501 VỚI LỚP (K51KSV)\_AR0001**

**[ICT TV] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh doanh quốc tế                            |           | 3  | 26D9BUS50305203 | 55       | (K51KSV)_LM0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                               |           |    |                 |          |                 | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Kinh tế vĩ mô                                 |           | 3  | 26D9ECO50100208 | 55       | (K51KSV)_LM0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.6   | 02/03/26 - 30/03/26 |         |
|                                               |           |    |                 |          |                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.6   | 03/03/26 - 24/03/26 |         |
| Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam                |           | 2  | 26D9HIS51002606 | 55       | (K51KSV)_LM0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6   | 08/01/26 - 22/01/26 |         |
|                                               |           |    |                 |          |                 | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6   | 09/01/26 - 23/01/26 |         |
| Nguyên lý kế toán                             |           | 3  | 26D9ACC50700104 | 55       | (K51KSV)_LM0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6   | 05/01/26 - 02/02/26 |         |
|                                               |           |    |                 |          |                 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6   | 06/01/26 - 27/01/26 |         |
| Nhập môn khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo |           | 2  | 26D9INF50922201 | 55       | (K51KSV)_LM0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6   | 02/03/26 - 16/03/26 |         |
|                                               |           |    |                 |          |                 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6   | 03/03/26 - 17/03/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                                 |           |    | 26D9ADM53600205 | 51       | (K51KSV)_LM0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |
| Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)           |           | 3  | 26D9ENG51319703 | 55       | (K51KSV)_LM0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6   | 13/04/26 - 11/05/26 |         |
|                                               |           |    |                 |          |                 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6   | 14/04/26 - 12/05/26 |         |
| Thống kê ứng dụng                             |           | 3  | 26D9MAT50813404 | 55       | (K51KSV)_LM0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                                               |           |    |                 |          |                 | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |

**[ICT TV] NGÀNH MARKETING KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh doanh quốc tế                  |           | 3  | 26D9BUS50305201 | 70       | (K51KSV)_MR0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.1   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.1   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Kinh tế vĩ mô                       |           | 3  | 26D9ECO50100201 | 70       | (K51KSV)_MR0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.5   | 13/04/26 - 11/05/26 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.5   | 14/04/26 - 12/05/26 |         |
| Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam      |           | 2  | 26D9HIS51002605 | 70       | (K51KSV)_MR0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.3   | 05/01/26 - 19/01/26 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.3   | 06/01/26 - 20/01/26 |         |
| Nguyên lý kế toán                   |           | 3  | 26D9ACC50700101 | 70       | (K51KSV)_MR0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.1   | 08/01/26 - 05/02/26 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                 | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.1   | 09/01/26 - 30/01/26 |         |
| Quản trị quốc tế                    |           | 3  | 26D9BUS50329801 | 70       | (K51KSV)_MR0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.3   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                 | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.3   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Thống kê ứng dụng                   |           | 3  | 26D9MAT50813401 | 70       | (K51KSV)_MR0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.3   | 02/03/26 - 30/03/26 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.3   | 03/03/26 - 24/03/26 |         |
| Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1) |           | 3  | 26D9ENG51319701 | 70       | (K51KSV)_MR0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.3   | 02/03/26 - 30/03/26 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.3   | 03/03/26 - 24/03/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                       |           |    | 26D9ADM53600207 | 68       | (K51KSV)_MR0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |

**[CT TV] NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>ĐK | LỚP SV                              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Nhập môn khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo |           | 2  | 26D9INF50922202 | 40       | (K51KSV)_NH0001                     | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.4   | 02/03/26 - 16/03/26 |         |
|                                               |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.4   | 03/03/26 - 17/03/26 |         |
| Nhập môn tâm lý học                           |           | 2  | 26D9BUS50326408 | 40       | (K51KSV)_NH0001                     | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.6   | 05/01/26 - 19/01/26 |         |
|                                               |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.6   | 06/01/26 - 20/01/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                                 |           |    | 26D9ADM53600208 | 37       | (K51KSV)_NH0001                     | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |
| Kinh tế vĩ mô                                 |           | 3  | 26D9ECO50100204 | 85       | (K51KSV)_NH0001,<br>(K51KSV)_FN0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | B2.2   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                               |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | B2.2   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Nguyên lý kế toán                             |           | 3  | 26D9ACC50700105 | 85       | (K51KSV)_NH0001,<br>(K51KSV)_FN0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | GD.B   | 08/01/26 - 05/02/26 |         |
|                                               |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | GD.B   | 09/01/26 - 30/01/26 |         |
| Thống kê ứng dụng                             |           | 3  | 26D9MAT50813405 | 85       | (K51KSV)_NH0001,<br>(K51KSV)_FN0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.1   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                                               |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.1   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)           |           | 3  | 26D9ENG51319704 | 85       | (K51KSV)_NH0001,<br>(K51KSV)_FN0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.1   | 13/04/26 - 11/05/26 |         |
|                                               |           |    |                 |          |                                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.1   | 14/04/26 - 12/05/26 |         |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh                          |           | 2  | 26D9HCM51000405 | 85       | (K51KSV)_NH0001,<br>(K51KSV)_FN0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.1   | 05/03/26 - 19/03/26 |         |
|                                               |           |    |                 |          |                                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.1   | 06/03/26 - 20/03/26 |         |

**[CT TV] NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>ĐK | LỚP SV              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kỹ năng mềm                      |           | 2  | 26D9BUS50309501 | 50       | (K51KSV)_<br>FN0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.6   | 05/01/26 - 19/01/26 |         |
|                                  |           |    |                 |          |                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.6   | 06/01/26 - 20/01/26 |         |
| Quản trị và chiến lược ngân hàng |           | 3  | 26D9BAN50608402 | 50       | (K51KSV)_<br>FN0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.7   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                  |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.7   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                    |           |    | 26D9ADM53600212 | 47       | (K51KSV)_<br>FN0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |

**HỌC GHÉP KINH TẾ VĨ MÔ-26D9ECO50100204 VỚI LỚP (K51KSV)\_NH0001****HỌC GHÉP NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN-26D9ACC50700105 VỚI LỚP (K51KSV)\_NH0001****HỌC GHÉP THỐNG KÊ ỨNG DỤNG-26D9MAT50813405 VỚI LỚP (K51KSV)\_NH0001****HỌC GHÉP TIẾNG ANH LĨNH VỰC KINH DOANH (HP1)-26D9ENG51319704 VỚI LỚP (K51KSV)\_NH0001****HỌC GHÉP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH-26D9HCM51000405 VỚI LỚP (K51KSV)\_NH0001**

**[CT TV] NGÀNH ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (HỆ KỸ SƯ) KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                   | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Cơ kỹ thuật 1                  |           | 3  | 26D9INT54701001 | 20       | (K51KSV)_<br>RA0001 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.2   | 14/04/26 - 12/05/26 |         |
|                                |           |    |                 |          |                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.2   | 14/04/26 - 05/05/26 |         |
| Khoa học máy tính 2            |           | 3  | 26D9INT54702001 | 20       | (K51KSV)_<br>RA0001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.2   | 21/01/26 - 25/02/26 |         |
|                                |           |    |                 |          |                     | 4   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.2   | 21/01/26 - 04/03/26 |         |
| Kỹ thuật số                    |           | 3  | 26D9INT54701301 | 20       | (K51KSV)_<br>RA0001 | 4   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.2   | 15/04/26 - 13/05/26 |         |
|                                |           |    |                 |          |                     | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.2   | 15/04/26 - 06/05/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                  |           |    | 26D9ADM53600211 | 16       | (K51KSV)_<br>RA0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |
| Thí nghiệm vật lý              |           | 1  | 26D9INT54700301 | 20       | (K51KSV)_<br>RA0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.2   | 11/06/26 – 25/06/26 |         |
|                                |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.2   | 12/06/26 – 26/06/26 |         |
| Tiếng Anh tổng quát            |           | 4  | 26D9ENG51315401 | 20       | (K51KSV)_<br>RA0001 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.2   | 06/01/26 - 24/02/26 |         |
|                                |           |    |                 |          |                     | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.2   | 08/01/26 - 26/02/26 |         |
| Toán dành cho kỹ sư            |           | 3  | 26D9INT54700401 | 20       | (K51KSV)_<br>RA0001 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.6   | 18/04/26 - 09/05/26 |         |
|                                |           |    |                 |          |                     | 7   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.6   | 18/04/26 - 16/05/26 |         |
| Toán nền tảng cho kỹ thuật 2   |           | 3  | 26D9INT54712101 | 20       | (K51KSV)_<br>RA0001 | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.2   | 23/01/26 - 06/03/26 |         |
|                                |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.2   | 23/01/26 - 27/02/26 |         |
| Triết học Mác Lênin            |           | 3  | 26D9PHI51002302 | 20       | (K51KSV)_<br>RA0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.2   | 13/04/26 - 18/05/26 |         |
|                                |           |    |                 |          |                     | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.2   | 13/04/26 - 11/05/26 |         |
| Trí tuệ nhân tạo               |           | 3  | 26D9INT54702201 | 20       | (K51KSV)_<br>RA0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.2   | 11/06/26 – 09/07/26 |         |
|                                |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.2   | 12/06/26 – 03/07/26 |         |
| Vật lý 2                       |           | 3  | 26D9INT54700201 | 20       | (K51KSV)_<br>RA0001 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.2   | 06/01/26 - 03/02/26 |         |
|                                |           |    |                 |          |                     | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.2   | 08/01/26 - 29/01/26 |         |
| Xác suất thống kê cho kỹ thuật |           | 3  | 26D9INT54712201 | 20       | (K51KSV)_<br>RA0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.2   | 19/01/26 - 02/03/26 |         |
|                                |           |    |                 |          |                     | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.2   | 19/01/26 - 23/02/26 |         |

**[CT TV] NGÀNH CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                                                 | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------------------------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Dữ liệu lớn và ứng dụng                                      |           | 3  | 26D9INF50907901 | 20       | (K51KSV)_<br>TI0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.4   | 02/03/26 - 30/03/26 |         |
|                                                              |           |    |                 |          |                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.4   | 03/03/26 - 24/03/26 |         |
| Kinh tế học                                                  |           | 3  | 26D9ECO50121901 | 20       | (K51KSV)_<br>TI0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.1   | 08/01/26 - 05/02/26 |         |
|                                                              |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.1   | 09/01/26 - 30/01/26 |         |
| Lập trình cơ bản                                             |           | 3  | 26D9INF50906601 | 20       | (K51KSV)_<br>TI0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.4   | 05/03/26 - 02/04/26 |         |
|                                                              |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.4   | 06/03/26 - 27/03/26 |         |
| Nhập môn khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo                |           | 2  | 26D9INF50922204 | 20       | (K51KSV)_<br>TI0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.1   | 08/01/26 - 22/01/26 |         |
|                                                              |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.1   | 09/01/26 - 23/01/26 |         |
| Quản trị đổi mới sáng tạo                                    |           | 3  | 26D9TEC55002001 | 20       | (K51KSV)_<br>TI0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.1   | 13/04/26 - 18/05/26 |         |
|                                                              |           |    |                 |          |                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.1   | 14/04/26 - 12/05/26 |         |
| Sinh hoạt lớp                                                |           |    | 26D9ADM53600201 | 20       | (K51KSV)_<br>TI0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLINE | 27/05/26            |         |
| Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1) |           | 3  | 26D9ENG51319902 | 20       | (K51KSV)_<br>TI0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.1   | 16/04/26 - 21/05/26 |         |
|                                                              |           |    |                 |          |                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.1   | 17/04/26 - 15/05/26 |         |

**HỌC GHÉP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG-26D9ECO50122010 VỚI LỚP (K51KSV)\_AR0001**

## DÀNH CHO SINH VIÊN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1 (CƠ BẢN)

| HỌC PHẦN                  | VN/E<br>N | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | NGÀNH/KH<br>ÓA | LỚP SV                | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD | THỜI GIAN HỌC       | GHI<br>CHÚ |
|---------------------------|-----------|----|-----------------|----------|----------------|-----------------------|-----|----|---------------|----|---------------------|------------|
| GDTC1 - Bóng<br>bàn CB    |           | 1  | 26D9PHY51400101 | 50       | 0-DHKSVK51     | (K51KSV).<br>GDTC1.BB | 4   | 3  | 07g00 - 09g15 |    | 04/03/25 - 01/04/26 |            |
| GDTC1 - Bóng<br>bàn CB    |           | 1  | 26D9PHY51400102 | 50       | 0-DHKSVK51     | (K51KSV).<br>GDTC1.BB | 4   | 3  | 09g15 - 11g30 |    | 04/03/25 - 01/04/26 | Hủy        |
| GDTC1 - Bóng<br>chuyền CB |           | 1  | 26D9PHY51400201 | 50       | 0-DHKSVK51     | (K51KSV).<br>GDTC1.BC | 2   | 3  | 07g00 - 09g15 |    | 06/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 3   | 3  | 07g00 - 09g15 |    | 07/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 4   | 3  | 07g00 - 09g15 |    | 08/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 5   | 3  | 07g00 - 09g15 |    | 09/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 6   | 3  | 07g00 - 09g15 |    | 10/04/26            |            |
| GDTC1 - Bóng<br>chuyền CB |           | 1  | 26D9PHY51400202 | 50       | 0-DHKSVK51     | (K51KSV).<br>GDTC1.BC | 2   | 3  | 09g15 - 11g30 |    | 06/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 3   | 3  | 09g15 - 11g30 |    | 07/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 4   | 3  | 09g15 - 11g30 |    | 08/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 5   | 3  | 09g15 - 11g30 |    | 09/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 6   | 3  | 09g15 - 11g30 |    | 10/04/26            |            |
| GDTC1 - Bóng<br>chuyền CB |           | 1  | 26D9PHY51400203 | 50       | 0-DHKSVK51     | (K51KSV).<br>GDTC1.BC | 4   | 3  | 07g00 - 09g15 |    | 07/01/26 - 04/02/26 |            |
| GDTC1 - Bóng<br>chuyền CB |           | 1  | 26D9PHY51400204 | 50       | 0-DHKSVK51     | (K51KSV).<br>GDTC1.BC | 2   | 3  | 15g15 - 17g30 |    | 06/04/26            | Hủy        |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 3   | 3  | 15g15 - 17g30 |    | 07/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 4   | 3  | 15g15 - 17g30 |    | 08/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 5   | 3  | 15g15 - 17g30 |    | 09/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 6   | 3  | 15g15 - 17g30 |    | 10/04/26            |            |
| GDTC1 - Cầu<br>lông CB    |           | 1  | 26D9PHY51400501 | 50       | 0-DHKSVK51     | (K51KSV).<br>GDTC1.CL | 2   | 3  | 07g00 - 09g15 |    | 06/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 3   | 3  | 07g00 - 09g15 |    | 07/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 4   | 3  | 07g00 - 09g15 |    | 08/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 5   | 3  | 07g00 - 09g15 |    | 09/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 6   | 3  | 07g00 - 09g15 |    | 10/04/26            |            |
| GDTC1 - Cầu<br>lông CB    |           | 1  | 26D9PHY51400502 | 50       | 0-DHKSVK51     | (K51KSV).<br>GDTC1.CL | 2   | 3  | 09g15 - 11g30 |    | 06/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 3   | 3  | 09g15 - 11g30 |    | 07/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 4   | 3  | 09g15 - 11g30 |    | 08/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 5   | 3  | 09g15 - 11g30 |    | 09/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 6   | 3  | 09g15 - 11g30 |    | 10/04/26            |            |
| GDTC1 - Cầu<br>lông CB    |           | 1  | 26D9PHY51400503 | 50       | 0-DHKSVK51     | (K51KSV).<br>GDTC1.CL | 4   | 3  | 09g15 - 11g30 |    | 07/01/26 - 04/02/26 | Bổ sung    |
| GDTC1 - Khiêu<br>vũ CB    |           | 1  | 26D9PHY51401301 | 50       | 0-DHKSVK51     | (K51KSV).<br>GDTC1.KV | 2   | 3  | 07g00 - 09g15 |    | 06/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 3   | 3  | 07g00 - 09g15 |    | 07/04/26            |            |
|                           |           |    |                 |          |                |                       | 4   | 3  | 07g00 - 09g15 |    | 08/04/26            |            |

|                       |  |   |                 |    |            |                    |   |   |               |  |                     |     |
|-----------------------|--|---|-----------------|----|------------|--------------------|---|---|---------------|--|---------------------|-----|
|                       |  |   |                 |    |            |                    | 5 | 3 | 07g00 - 09g15 |  | 09/04/26            |     |
|                       |  |   |                 |    |            |                    | 6 | 3 | 07g00 - 09g15 |  | 10/04/26            |     |
| GDTC1 - Pickleball CB |  | 1 | 26D9PHY51401901 | 50 | 0-DHKSVK51 | (K51KSV). GDTC1.PB | 4 | 3 | 07g00 - 09g15 |  | 06/04/26 - 13/05/26 |     |
| GDTC1 - Pickleball CB |  | 1 | 26D9PHY51401902 | 50 | 0-DHKSVK51 | (K51KSV). GDTC1.PB | 4 | 3 | 09g15 - 11g30 |  | 06/04/26 - 13/05/26 | Hủy |
| GDTC1 - Võ thuật CB   |  | 1 | 26D9PHY51400601 | 50 | 0-DHKSVK51 | (K51KSV). GDTC1.VT | 2 | 3 | 07g00 - 09g15 |  | 06/04/26            |     |
|                       |  |   |                 |    |            |                    | 3 | 3 | 07g00 - 09g15 |  | 07/04/26            |     |
|                       |  |   |                 |    |            |                    | 4 | 3 | 07g00 - 09g15 |  | 08/04/26            |     |
|                       |  |   |                 |    |            |                    | 5 | 3 | 07g00 - 09g15 |  | 09/04/26            |     |
|                       |  |   |                 |    |            |                    | 6 | 3 | 07g00 - 09g15 |  | 10/04/26            |     |